



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 22

Ngày 30 tháng 10 năm 2020

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

UBND TỈNH

01/10/2020	Quyết định của UBND tỉnh số 41/2020/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 02/12/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định khung giá bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Sơn La	3
13/10/2020	Quyết định của UBND tỉnh số 42/2020/QĐ-UBND về việc sửa đổi Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 10/02/2020 của UBND tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Sơn La	4
16/10/2020	Quyết định của UBND tỉnh số 43/2020/QĐ-UBND Về việc ban hành quy định phân công, phân cấp thực hiện quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh Sơn La	6

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

UBND TỈNH

29/09/2020	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 2139/QĐ-UBND về việc ban hành tiêu chí và quy trình đánh giá, phân loại thẩm định các cơ quan, đơn vị; xã, phường, thị trấn; bản, tiểu khu, tổ dân phố liên quan đến ma túy	12
------------	--	----

07/10/2020	Quyết định của UBND tỉnh số 2192/QĐ-UBND về việc quy định số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La	42
13/10/2020	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 11/CT-UBND phát động thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh giai đoạn 2020 - 2025	45
14/10/2020	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 12/CT-UBND về việc tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân năm 2021	48
14/10/2020	Quyết định của UBND tỉnh số 2246/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La	52
15/10/2020	Quyết định của UBND tỉnh số 2255/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp quản lý các công trình thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh Sơn La	63

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41/2020/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 01 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bãi bỏ Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND
ngày 02/12/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định khung giá
bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015;*

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của
Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao
thông đường bộ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số
2326/TTr-SGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định khung giá bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Sơn La

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (B/c);
- TT HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Giao thông vận tải;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT (Đặt) 15 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lê Hồng Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2020/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 13 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc sửa đổi Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND
ngày 10/02/2020 của UBND tỉnh quy định hệ số
điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông báo số 565/TB-TTHĐND ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Thường trực HĐND tỉnh về các nội dung trình phiên họp thứ 102;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 494/TTr-STC ngày 08 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi Điều 1, Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Sơn La, như sau:

*“**Điều 1.** Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2020 áp dụng cho các vị trí, tuyến đường, loại đất quy định tại Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 - 2024 và Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung quy định tại Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2020 - 2024, bằng 1,0 lần.”*

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ (B/c);
- TT HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, Hà 100 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 43/2020/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 15 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân công, phân cấp thực hiện quản lý
Nhà nước về an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015;*

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của
Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của
Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;*

*Căn cứ Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07 tháng 11 năm 2017
của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài
nguyên nước;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ
Công thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công thương tại Tờ trình số 82/TTr-
SCT ngày 23 tháng 7 năm 2020 và Tờ trình số 134/TTr-SCT ngày 12 tháng 10
năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công, phân cấp thực hiện quản lý Nhà nước về an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2020.

2. Quyết định này bãi bỏ:

a) Khoản 6, Khoản 7 Điều 6 của Quy chế phối hợp quản lý các công trình thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy chế phối hợp quản lý các công trình thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh Sơn La.

b) Khoản 8 Mục II của Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, thành phố và cấp xã ban hành kèm theo Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công thương.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn có đập, hồ chứa thủy điện; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Công Thương;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh Sơn La;
- Lưu: VT, KT, Biên (55 bản).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Phân công, phân cấp thực hiện quản lý nhà nước
về an toàn đập hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh Sơn La**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2020/QĐ-UBND
ngày 15/10/2020 của UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phân công, phân cấp một số nội dung về thực hiện quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố (UBND cấp huyện); UBND các xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) và các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Mục tiêu phân công, phân cấp

1. Phân định rõ trách nhiệm, nâng cao tính chủ động và trách nhiệm trong quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa thủy điện của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã.

2. Tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp huyện để thống nhất quản lý, kịp thời xử lý các sự cố xảy ra để đảm bảo an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

Chương II PHÂN CÔNG THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

Điều 3. Sở Công thương

1. Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành và hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

2. Rà soát, tổng hợp trình UBND tỉnh ban hành danh mục đập, hồ chứa thủy điện đối với đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình

đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền được quy định tại Khoản 5 Điều 8 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.

4. Tiếp nhận hồ sơ và tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện đối với đập, hồ chứa thủy điện được xây dựng trên địa bàn từ 02 huyện trở lên thuộc địa bàn tỉnh.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu và trình UBND tỉnh quyết định phương án tích nước và giải pháp bảo đảm an toàn đối với đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh được quy định tại Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu và trình UBND tỉnh quyết định kiểm định đột xuất đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh, trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 4 Điều 18 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.

7. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng và phê duyệt bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập thuộc trách nhiệm xây dựng phê duyệt của UBND tỉnh.

8. Chủ trì, tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức thẩm định, cấp phép đối với các hoạt động phải cấp phép trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.

9. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, quy trình vận hành liên hồ chứa thủy điện thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh.

10. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức kiểm tra, thanh tra xử lý vi phạm hành chính về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với Sở Công Thương kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương được quy định tại Khoản 5 Điều 8 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.

Điều 5. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc chủ đập, hồ chứa thủy điện thực hiện quan trắc, cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn; giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh thẩm định và phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện đối với đập có phạm vi bảo vệ thuộc địa bàn từ 02 huyện trở lên trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn UBND cấp huyện thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện thuộc thẩm quyền.

3. Phối hợp với Sở Công thương thẩm định hồ sơ cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện.

Điều 6. Sở Xây dựng

Phối hợp với Sở Công thương trong công tác quản lý chất lượng xây dựng và kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương được quy định tại Khoản 5, Điều 8 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.

Điều 7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan rà soát, đề xuất phân bổ kinh phí để thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Điều 8. Sở Tài chính

Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí hàng năm từ nguồn ngân sách địa phương để chi cho nhiệm vụ quản lý an toàn đập, hồ chứa nước do địa phương quản lý theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện có liên quan.

Điều 9. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp

Tham mưu cho UBND cùng cấp tổ chức diễn tập, hướng dẫn nhân dân và chủ đập, hồ chứa thủy điện chủ động ứng phó với các tình huống khẩn cấp.

Chương III

PHÂN CẤP THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

Điều 10. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Hướng dẫn UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác trên địa bàn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

2. Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện đối với đập, hồ chứa thủy điện được xây dựng trên địa bàn một huyện, trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại Khoản 6 Điều 23 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.

3. Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định và phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện đối với đập thủy điện có phạm vi bảo vệ thuộc địa bàn một huyện.

Điều 11. Ủy ban nhân dân cấp xã có đập, hồ chứa thủy điện

Tuyên truyền, phổ biến cho Nhân dân địa phương thực hiện các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy điện, theo chức năng và nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, thực hiện, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. UBND cấp huyện, UBND cấp xã chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, các chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện, đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp nêu trên.

Điều 13. Xử lý vướng mắc, phát sinh

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, trường hợp có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Công Thương) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2139/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 29 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Tiêu chí và quy trình đánh giá,
phân loại thẩm định các cơ quan, đơn vị; xã, phường,
thị trấn; bản, tiểu khu, tổ dân phố liên quan đến ma túy**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Quyết định số 1001/QĐ-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chiến lược Quốc gia phòng, chống và kiểm soát ma túy ở Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 8014/QĐ-BCA-H01 ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công an về việc phê duyệt Dự án “Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống ma túy tại xã, phường, thị trấn giai đoạn 2016 - 2020”;

Căn cứ Nghị quyết số 89/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh về chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 292/TTr-CAT-PTM ngày 16 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Tiêu chí và quy trình đánh giá, phân loại thẩm định các cơ quan, đơn vị; xã, phường, thị trấn; bản, tiểu khu, tổ dân phố liên quan đến ma túy, gồm: 04 phần và 16 Điều (có Tiêu chí và Quy trình kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Công an tỉnh chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thành phố triển khai, thực hiện Quyết định này.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Tiêu chí và quy trình đánh giá, phân loại, thẩm định các cơ quan, đơn vị; xã, phường, thị trấn; bản, tiểu khu, tổ dân phố liên quan đến ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh; người đứng đầu các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP UBND tỉnh phụ trách NC;
- Lưu: VT, NC, ĐH30b.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TIÊU CHÍ VÀ QUY TRÌNH

Đánh giá, phân loại, thẩm định các cơ quan, đơn vị; xã, phường, thị trấn; bản, tiểu khu, tổ dân phố liên quan đến ma túy

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2139/QĐ-UBND
ngày 29/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy định về trình tự các bước tiến hành đánh giá, phân loại, thẩm định công nhận đơn vị đạt tiêu chuẩn: “*không có tệ nạn ma túy*”.

Xác định tình hình tệ nạn ma túy tại các cơ quan, đơn vị; các xã, phường, thị trấn theo từng cấp độ: “*có tệ nạn ma túy ít phức tạp*”, “*trọng điểm loại I*”, “*trọng điểm loại II*”, “*trọng điểm loại III*”; bản, tiểu khu, tổ dân phố trọng điểm về ma túy.

Điều 2. Đơn vị được đánh giá, thẩm định để quyết định công nhận “*Đơn vị đạt tiêu chuẩn không có tệ nạn ma túy*” gồm:

1. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học, trạm Y tế, Hợp tác xã,...
(*Đơn vị có con dấu riêng, có tư cách pháp nhân*);

2. Xã, phường, thị trấn;

3. Bản, tiểu khu, tổ dân phố...

Phần II

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI

Điều 3. Tiêu chuẩn Quyết định công nhận, đánh giá phân loại

1. Đơn vị đạt tiêu chuẩn không có tệ nạn ma túy

Trong năm đánh giá, không có người nghiện ma túy, không có tội phạm về ma túy và các hành vi trái phép khác về ma túy.

2. Đơn vị có tệ nạn ma túy ít phức tạp

2.1. Đối với cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học, trạm Y tế, Hợp tác xã có một trong các tiêu chí

Có người nghiện ma túy hoặc có đối tượng phạm tội về ma túy bị bắt trong năm đánh giá, thẩm định; các tiêu chí khác ở mức độ “không có”.

2.2. Đối với xã, phường, thị trấn

Là những xã, phường, thị trấn có dưới 20 người nghiện ma túy, không có hoặc có nhưng ở mức thấp hơn so với các tiêu chí của xã, phường, thị trấn trọng điểm loại III.

2.3. Đối với bản, tiểu khu, tổ dân phố có một trong các tiêu chí

Có từ 01 đến 03 người nghiện ma túy; hoặc có từ 01 đến 02 đối tượng phạm tội về ma túy bị bắt; không có diện tích trồng cây có chất ma túy; không có điểm tệ nạn ma túy.

3. Đơn vị trọng điểm về ma túy

3.1. Đối với cấp bản, tiểu khu, tổ dân phố nếu có một trong các tiêu chí sau:

Có trên 03 người nghiện ma túy đang có hồ sơ quản lý; có trên 02 đối tượng phạm tội về ma túy bị bắt giữ trong năm đánh giá; có diện tích trồng cây có chất ma túy; có điểm tệ nạn ma túy.

3.2. Đối với xã, phường, thị trấn

- Xã, phường, thị trấn trọng điểm về ma túy loại I nếu có một trong các tiêu chí:

- + Có từ 100 người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý trở lên;
- + Có từ 05 vụ điểm tổ chức sử dụng, mua bán lẻ trái phép chất ma túy trở lên;
- + Có số lượng từ 3.000 cây có chứa chất ma túy trở lên hoặc diện tích trồng cây có chứa chất ma túy từ 2.000 m² trở lên;
- + Tỷ lệ đối tượng phạm tội về ma túy so với dân số tại xã, phường, thị trấn từ 0,5% trở lên.

- Xã, phường, thị trấn trọng điểm về ma túy loại II nếu có một trong các tiêu chí:

- + Có từ 60 người nghiện đến dưới 100 người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý;
- + Có từ 03 đến 04 vụ điểm tệ nạn ma túy;
- + Có số lượng từ 500 đến dưới 3,000 cây có chứa chất ma túy hoặc diện tích trồng cây có chứa chất ma túy từ 1.000 m² đến dưới 2.000 m²;
- + Tỷ lệ đối tượng phạm tội về ma túy trên số dân tại xã, phường, thị trấn từ 0,3% đến dưới 0,5%.

- Xã, phường, thị trấn trọng điểm về ma túy loại III nếu có một trong các tiêu chí:

- + Có từ 20 người đến dưới 60 người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý;
- + Có từ 01 đến 02 vụ điểm tổ chức sử dụng, mua bán lẻ trái phép chất ma túy;

+ Có số lượng dưới 500 cây có chứa chất ma túy hoặc diện tích trồng cây có chứa chất ma túy dưới 1.000 m²;

+ Tỷ lệ đối tượng phạm tội về ma túy so với dân số tại xã, phường, thị trấn từ 0,1% đến dưới 0,3%.

4. Cách xác định đơn vị 03 năm liên tiếp giữ vững danh hiệu đơn vị đạt tiêu chuẩn không có ma túy (*đối với các bản, tiểu khu, tổ dân phố sau khi sáp nhập theo Nghị quyết của HĐND tỉnh năm 2019*)

Trường hợp đơn vị 02 năm liên (*năm 2018, năm 2019*) được cấp có thẩm quyền công nhận đạt tiêu chuẩn không có ma túy, dự kiến giữ vững tiêu chuẩn này trong năm 2020, khi sáp nhập với đơn vị không được công nhận tiêu chuẩn không có ma túy, hoặc đơn vị mới được công nhận 01 năm và ngược lại, kết quả năm 2020 được công nhận là đơn vị đạt tiêu chuẩn không có ma túy thì vẫn được công nhận 03 năm liên là đơn vị đạt tiêu chuẩn không có ma túy.

Phần III

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI, THẨM ĐỊNH

Điều 4. Nhiệm vụ của các đơn vị cấp tỉnh có liên quan

1. Giao Công an tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các ngành tham mưu giúp UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đánh giá, thẩm định, phân loại; quyết định công nhận: “*Đơn vị đạt tiêu chuẩn không có tệ nạn ma túy*”; Đơn vị liên quan đến tệ nạn ma túy theo từng cấp độ: “*Đơn vị có tệ nạn ma túy ít phức tạp*”; đơn vị trọng điểm về ma túy: “*trọng điểm loại I*”, “*trọng điểm loại II*”, “*trọng điểm loại III*” và ban hành các văn bản liên quan phục vụ việc đánh giá, phân loại, xác định.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tham mưu giúp Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập các đoàn công tác rà soát, đánh giá, thẩm định, phân loại (*sau đây gọi tắt là Đoàn công tác*) của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan chuẩn bị tài liệu, biểu mẫu tổng hợp, cho các đoàn công tác thẩm định, đánh giá của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành đơn đốc, kiểm tra việc rà soát, đánh giá, thẩm định, phân loại. Tổng hợp danh sách các đơn vị đủ điều kiện công nhận: “*Đơn vị không có tệ nạn ma túy*”; “*Đơn vị liên quan đến tệ nạn ma túy*” và phân loại đơn vị trọng điểm về ma túy theo từng cấp độ, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

- Tổng hợp, tham mưu giúp Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công nhận cho các đơn vị, cơ quan, trường học, trạm Y tế; đơn vị cấp xã, bản đạt tiêu chuẩn: “*Đơn vị không có tệ nạn ma túy*”; xác nhận cho các đơn vị, cơ quan, trường học, trạm Y tế; đơn vị cấp xã, bản là “*Đơn vị liên quan đến tệ nạn ma túy*” và đơn vị trọng điểm về ma túy.

2. Các Đoàn công tác cấp tỉnh

- Phối hợp với Hội đồng đánh giá, thẩm định các huyện, thành phố và Hội đồng đánh giá, thẩm định của các Đảng uỷ trực thuộc tỉnh, tổ chức rà soát, đánh giá, thẩm định, phân loại, tổng hợp báo cáo.

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các bước theo Quy trình rà soát, đánh giá, thẩm định, phân loại của các huyện, thành phố; Hội đồng đánh giá, thẩm định của Đảng uỷ khối các cơ quan tỉnh và một số đơn vị trực thuộc những đơn vị nêu trên.

- Trưởng đoàn công tác cấp tỉnh tổng hợp, đánh giá toàn bộ kết quả đánh giá, phân loại, xác định của Đoàn đối với các đơn vị của huyện, thành phố và cơ quan, đơn vị thuộc trách nhiệm thẩm định báo cáo UBND tỉnh (*qua Công an tỉnh*).

- Trưởng đoàn công tác cấp tỉnh thẩm định đơn vị nào thì ký biên bản thẩm định (*mẫu B1*) đối với đơn vị đó và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định, rà soát, đánh giá, phân loại của mình.

Điều 5. Nhiệm vụ của các huyện, thành phố (*gọi chung là cấp huyện*)

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá, thẩm định, phân loại, công nhận: “*Đơn vị không có tệ nạn ma túy*”; “*Đơn vị liên quan đến tệ nạn ma túy*” và đơn vị trọng điểm về ma túy theo từng cấp độ.

- Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá, thẩm định cấp huyện, gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND huyện; lãnh đạo các phòng, đơn vị: Lao động - Thương binh và Xã hội; Văn hoá và Thông tin; Nội vụ; Công an huyện và một số thành phần khác do Chủ tịch UBND huyện quyết định. Mời: Thường trực huyện uỷ; Thường trực HĐND; Ủy ban MTTQ huyện tham gia. (*Hội đồng đánh giá, thẩm định cấp huyện do đồng chí Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND huyện làm Chủ tịch Hội đồng*).

- Quyết định thành lập các Đoàn công tác của cấp huyện (*thành phần đoàn tương tự như cấp tỉnh*) số lượng đoàn công tác do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định.

- Ban hành các văn bản liên quan khác phục vụ việc rà soát đánh giá, thẩm định, phân loại.

2. Công an cấp huyện

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan cung cấp tài liệu rà soát, đánh giá, thẩm định, phân loại cho Hội đồng đánh giá, thẩm định cấp xã và các đoàn công tác của huyện; tham mưu với Chủ tịch UBND cấp huyện thành lập các Đoàn công tác của huyện tiến hành thẩm định, đánh giá, phân loại các xã.

- Giúp Chủ tịch UBND cấp huyện đôn đốc, kiểm tra toàn bộ việc triển khai thực hiện công tác rà soát, đánh giá, thẩm định, phân loại các địa phương, đơn vị liên quan đến ma túy thuộc chức năng, nhiệm vụ của huyện.

3. Đoàn công tác cấp huyện

Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các bước theo quy trình đối với toàn bộ các xã, phường, thị trấn và một số bản, đơn vị phức tạp về ma túy của huyện, thành phố. Tổng hợp kết quả đánh giá, thẩm định, phân loại của cấp xã báo cáo Hội đồng đánh giá, thẩm định cấp huyện và chịu trách nhiệm trước UBND huyện về kết quả thẩm định, rà soát, đánh giá, phân loại của mình.

4. Hội đồng đánh giá, thẩm định cấp huyện

- Trên cơ sở biên bản tự đánh giá, thẩm định, phân loại của từng đơn vị và kết quả kiểm tra thực tế của các đoàn công tác. Hội đồng đánh giá, thẩm định cấp huyện lập biên bản thẩm định đánh giá của cấp huyện (*theo mẫu B2*) xác định đơn vị đó được phân loại ở mức độ nào.

- Tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp huyện báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện công tác phòng, chống ma túy của huyện trong năm.

- Tổng hợp báo cáo kết quả việc rà soát, đánh giá, thẩm định, phân loại đối với các đơn vị thuộc huyện và đối với các xã, phường, thị trấn; các bản, tiểu khu, tổ dân phố, các đơn vị đóng trên địa bàn thuộc trách nhiệm thẩm định của huyện, báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện để trình Thường trực huyện uỷ xin ý kiến chỉ đạo.

- Tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp huyện lập Tờ trình đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận: “*Đơn vị không có tệ nạn ma túy*” cho những đơn vị đủ điều kiện và xác nhận các xã, phường, thị trấn; bản, tiểu khu, tổ dân phố liên quan đến tệ nạn ma túy và trọng điểm về ma túy. Tài liệu gửi theo Tờ trình gồm:

+ Danh sách các đơn vị đề nghị quyết định công nhận: “*Đơn vị không có tệ nạn ma túy*”(mẫu H1) “*Đơn vị liên quan đến tệ nạn ma túy*”(mẫu H2) và các xã, phường, thị trấn; bản, tiểu khu, tổ dân phố trọng điểm về ma túy(mẫu H3, H4).

Điều 6. Nhiệm vụ của xã, phường, thị trấn (*gọi chung là cấp xã*)

1. Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thành lập

- Hội đồng đánh giá, thẩm định cấp xã gồm: Chủ tịch UBND xã; lãnh đạo các đơn vị: Trưởng Công an; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc; Chủ tịch Hội Cựu chiến binh; Chủ tịch Hội Nông dân; Chủ tịch Hội Phụ nữ; Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Cán bộ Văn hoá thông tin; Mời: Thường trực Đảng uỷ; Thường trực HĐND xã tham gia. (*Hội đồng đánh giá, thẩm định cấp xã do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Chủ tịch Hội đồng*).

- Các đoàn công tác cấp xã gồm: 01 thành viên Hội đồng đánh giá, thẩm định cấp xã làm Trưởng đoàn và 02 đến 03 cán bộ của xã làm thành viên.

- Chỉ đạo tự đánh giá của các bản, tiểu khu, tổ dân phố, gồm: Trưởng bản; Trưởng Ban công tác Mặt trận tổ quốc bản; Trưởng các Chi hội, tổ chức chính trị xã hội của bản. Mời đồng chí Bí thư Chi bộ tham gia.

2. Đoàn công tác của cấp xã

- Có trách nhiệm giúp tổ bản, tiểu khu tự đánh giá, phân loại đơn vị liên quan đến ma túy của đơn vị theo (mẫu A), báo cáo Hội đánh giá thẩm định cấp xã.

3. Hội đồng đánh giá, thẩm định cấp xã

- Trên cơ sở biên bản tự đánh giá kết quả thực hiện trong năm của từng bản, đơn vị và kết quả thẩm định kiểm tra thực tế của các đoàn công tác, lập biên bản thẩm định của cấp xã theo (mẫu B2) xác định bản, đơn vị đó đạt tiêu chuẩn ở mức độ nào.

- Căn cứ kết quả đánh giá, chấm điểm của các bản và kết quả tổ chức triển khai thực hiện công tác phòng, chống ma túy của xã, Hội đồng thẩm định, đánh giá, cấp xã tự đánh giá, phân loại cho xã (theo mẫu A) tổng hợp kết quả báo UBND cấp xã.

- Tham mưu cho Chủ tịch UBND xã báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện công tác phòng, chống ma túy trong năm của cấp xã.

- Tổng hợp báo cáo kết quả việc tự đánh giá của cấp xã và đối với các các bản, các đơn vị đóng trên địa bàn thuộc trách nhiệm đánh giá, xác định của xã báo cáo Chủ tịch UBND xã để trình Ban Thường vụ Đảng ủy xã xin ý kiến chỉ đạo.

- Lập danh sách các đơn vị đề nghị được công nhận “Đơn vị không có tệ nạn ma túy” (mẫu X1) hoặc “Đơn vị liên quan đến tệ nạn ma túy ” (mẫu X2) và các đơn vị trọng điểm về ma túy (mẫu X3).

- Tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp xã lập tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định công nhận: “Đơn vị không có tệ nạn ma túy”; cho những đơn vị đủ điều kiện và xác nhận cấp xã; bản, tiểu khu, tổ dân phố có tệ nạn ma túy ít phức tạp và trọng điểm về ma túy.

(Toàn bộ danh sách đề nghị và biên bản của các tổ, bản và các đơn vị thuộc trách nhiệm đánh giá, thẩm định, phân loại của xã gửi Hội đồng đánh giá, thẩm định cấp huyện).

Điều 7. Nhiệm vụ của bản, tiểu khu, tổ dân phố (gọi chung là bản)

Trưởng bản tổ chức họp dân tự đánh giá với nội dung:

1. Trình bày báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống ma túy trong năm của bản;

2. Quán triệt các nội dung, quy trình đánh giá, phân loại;

3. Tổng hợp ý kiến của nhân dân đối với từng tiêu chí đánh giá vào biên bản họp dân (mẫu Biên bản họp dân) gửi Hội đồng đánh giá, thẩm định cấp xã.

Điều 8. Trình tự đánh giá, thẩm định

Hội đồng đánh giá cấp xã xét theo Tiêu chí không có tệ nạn ma túy trước, tiếp đến những đơn vị đủ điều kiện xác định là đơn vị có tệ nạn ma túy ít phức tạp, sau đó đến các đơn vị trọng điểm về ma túy theo các mức độ đánh giá.

Điều 9. Nhiệm vụ của các cơ quan đơn vị cấp tỉnh (*gồm cơ quan, đơn vị trực thuộc Tỉnh uỷ; HĐND, UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị thuộc các bộ, ngành Trung ương đóng trên địa bàn thành phố Sơn La*)

Thực hiện các bước như sau:

1. Thủ trưởng đơn vị quyết định thành lập

- Hội đồng đánh giá, thẩm định gồm: Lãnh đạo đơn vị; đại diện Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác của đơn vị. Mời Lãnh đạo Đảng uỷ, chi bộ đảng của đơn vị tham gia (*01 Lãnh đạo đơn vị là Chủ tịch Hội đồng*).

- Hội đồng đánh giá của các đơn vị cấp II trực thuộc (*thành phần gồm: Lãnh đạo đơn vị, đại diện Công đoàn; Thanh niên, Phụ nữ. Mời đồng chí phụ trách công tác Đảng tham gia - Thủ trưởng đơn vị làm Chủ tịch Hội đồng*).

2. Hội đồng đánh giá, thẩm định có trách nhiệm

- Hướng dẫn cho các đơn vị trực thuộc xây dựng báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống ma túy trong năm của đơn vị; họp đơn vị và lập biên bản tự đánh giá, xác định (*mẫu A*).

- Trên cơ sở biên bản tự đánh giá, xác định của từng đơn vị trực thuộc và kết quả kiểm tra thực tế, lập biên bản đánh giá (*mẫu B2*) xác định đơn vị trực thuộc đó đạt ở mức độ nào.

- Tổng hợp kết quả đánh giá, xác định đối với các đơn vị trực thuộc báo cáo Đảng uỷ, chi bộ và Thủ trưởng đơn vị;

- Căn cứ kết quả đánh giá, xác định của các đơn vị trực thuộc và kết quả tổ chức triển khai thực hiện công tác phòng, chống ma túy của đơn vị, Hội đồng đánh giá của đơn vị tự lập biên bản đánh giá, xác định cho đơn vị mình (*theo mẫu A*).

- Tham mưu với người đứng đầu đơn vị báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện công tác phòng, chống ma túy trong năm của đơn vị; Lập Tờ trình đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận “Đơn vị không có tệ nạn ma túy” hoặc xác nhận “Đơn vị liên quan đến tệ nạn ma túy” cho các đơn vị trực thuộc (*gửi qua Công an tỉnh tổng hợp*).

Toàn bộ Báo cáo, Tờ trình, danh sách đề nghị; biên bản thẩm định cho đơn vị cấp II và biên bản tự đánh giá, phân loại của đơn vị gửi Hội đồng đánh giá, thẩm định Đảng uỷ khối các cơ quan tỉnh.

Biên bản tự đánh giá, phân loại của 04 đơn vị: Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Bộ đội biên phòng tỉnh và Trường Đại học Tây Bắc do đoàn công tác cấp tỉnh được phân công đánh giá, thẩm định.

Điều 10. Nhiệm vụ của các doanh nghiệp, thực hiện các bước như sau:

1. Thành lập Hội đồng đánh giá với thành phần gồm: Lãnh đạo đơn vị, Công đoàn; Thanh niên, Phụ nữ. Mời đồng chí phụ trách công tác đảng tham gia (*Thủ trưởng đơn vị làm Chủ tịch Hội đồng*);

2. Hội đồng đánh giá tổ chức họp cơ quan quán triệt các nội dung đánh giá, quy trình thẩm định, lấy ý kiến của cán bộ, công nhân viên chức đối với từng tiêu chí đánh giá (*có biên bản họp*); tự đánh giá, xác định (*theo mẫu A*);

3. Gửi báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống ma túy trong năm và biên bản tự đánh giá, xác định của doanh nghiệp (*hồ sơ*) cho Hội đồng đánh giá cấp trên.

4. Giao nộp hồ sơ

- Doanh nghiệp trực thuộc Đảng uỷ khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh nộp hồ sơ cho Hội đồng đánh giá, thẩm định của Đảng uỷ khối các cơ quan tỉnh.

- Doanh nghiệp không trực thuộc Đảng uỷ khối các cơ quan tỉnh và doanh nghiệp nộp hồ sơ cho Hội đồng đánh giá, thẩm định cấp huyện nơi đặt trụ sở doanh nghiệp.

Các cơ quan đơn vị, doanh nghiệp, trường học còn lại tự thành lập Hội đồng đánh giá của đơn vị và thực hiện các bước đánh giá như đơn vị cấp II của các cơ quan đơn vị cấp tỉnh và nộp hồ sơ cho hội đồng đánh giá, thẩm định quy định tại Điều 9 Quy định này.

Điều 11. Trách nhiệm của các Hội đồng đánh giá, thẩm định

1. Hội đồng đánh giá, thẩm định các huyện có trách nhiệm đánh giá, xác định cho các đơn vị đóng trên địa bàn, gồm:

- Các xã, thị trấn;
- Đơn vị trực thuộc huyện;
- Đơn vị trực thuộc tỉnh; các đơn vị thuộc bộ, ngành Trung ương đóng trên địa bàn;
- Các doanh nghiệp không thuộc Đảng uỷ Khối các cơ quan tỉnh và doanh nghiệp quản lý.

2. Hội đồng đánh giá, thẩm định thành phố Sơn La có trách nhiệm thẩm định cho các đơn vị đóng trên địa bàn, gồm:

- Các xã, phường;
- Đơn vị trực thuộc thành phố;
- Các doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố Sơn La không thuộc Đảng uỷ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh quản lý;

- Cơ quan, đơn vị thuộc các bộ, ngành Trung ương đóng trên địa bàn thành phố Sơn La không thuộc Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh quản lý.

3. Hội đồng đánh giá, thẩm định cấp xã có trách nhiệm thẩm định cho đơn vị đóng trên địa bàn xã, gồm:

- Bản, tiểu khu, tổ dân phố;
- Trạm Y tế;
- Các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở;
- Hợp tác xã.

4. Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao Hội đồng đánh giá, thẩm định của các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy thẩm định cho các cơ quan, đơn vị thuộc Đảng ủy quản lý.

5. Hội đồng đánh giá, thẩm định của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh có trách nhiệm đánh giá, phân loại cho các đơn vị cấp II của mình.

6. Cơ quan Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh do đoàn công tác của tỉnh được phân công đánh giá, thẩm định.

7. Trường hợp Hội đồng đánh giá, thẩm định cấp trên xem xét và đưa ra kết luận khác với đề nghị của đơn vị được thẩm định, đánh giá thì phải có trách nhiệm thông báo cho đơn vị được thẩm định, đánh giá biết nguyên nhân có kết luận như vậy trước khi tổng hợp báo cáo theo quy định.

(Các mẫu: A, B1, B2, H1, H2, H3, H4; X1, X2, X3 được ban hành kèm theo Quy định này)

Điều 12. Chủ tịch Hội đồng đánh giá, thẩm định là lãnh đạo của đơn vị nào thì dùng dấu của đơn vị đó.

Điều 13. Lưu trữ hồ sơ thẩm định

1. Công an huyện, thành phố lưu toàn bộ hồ sơ rà soát, đánh giá, thẩm định, phân loại của các cơ quan, đơn vị và cấp xã, cấp bản, gồm:

- Biên bản đánh giá, phân loại của cấp xã, tờ trình, danh sách đề nghị của cấp xã, cấp bản; biên bản họp dân cấp bản;
- Biên bản tự đánh giá, phân loại của cấp xã và cấp bản, đơn vị.

2. Công an tỉnh lưu toàn bộ hồ sơ đánh giá, thẩm định, phân loại của cấp tỉnh, huyện, gồm:

- Biên bản đánh giá, phân loại của cấp tỉnh;
- Tờ trình, danh sách đề nghị của cấp huyện;
- Biên bản đánh giá, phân loại, tờ trình, danh sách đề nghị của các cơ quan đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị trực thuộc

các bộ, ngành trung ương đóng trên địa bàn thành phố Sơn La; các doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố Sơn La;

- Tờ trình, danh sách đề nghị của Đảng uỷ khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh;

- Báo cáo đánh giá của các đoàn công tác của tỉnh đối với các đơn vị được phân công đánh giá, xác định.

Điều 14. Việc đánh giá, thẩm định, phân loại, công nhận: “Đơn vị không có tệ nạn ma túy”; xác nhận “Đơn vị liên quan đến tệ nạn ma túy” và các đơn vị trọng điểm về ma túy theo từng cấp độ: “trọng điểm loại I”, “trọng điểm loại II”, “trọng điểm loại III” mỗi năm tổ chức thực hiện 01 lần vào cuối năm.

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với các ngành có liên quan xây dựng dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cấp kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị được quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn không có ma túy hàng năm theo Nghị quyết số 89/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh Sơn La về chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2020.

Điều 16. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp các ngành liên quan chỉ đạo, thực hiện việc rà soát, đánh giá, thẩm định, phân loại và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả tổ chức thực hiện trước ngày 20 tháng 12 hàng năm. Tổng hợp những vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện báo cáo, đề xuất giải pháp để Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

Mẫu H1

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ

Quyết định công nhận “Đơn vị không có tệ nạn ma túy ” năm
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày . .tháng...năm... của UBND huyện)

STT	Tên đơn vị	Ghi chú
1	2	3
I	Các đơn vị trực thuộc huyện	
1		
2		
3		
II	Các đơn vị đóng trên địa bàn huyện	
1		
2		
3		
III	Các trường học	
1		
2		
3		
IV	Các trạm Y tế và hợp tác xã	
1		
2		
3		
V	Các xã, phường, thị trấn	
1		
2		
3		
VI	Các bản tiểu khu, tổ dân phố	
1		
2		
3		
Cộng		

CÁN BỘ TỔNG HỢP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Mẫu H2

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ

Quyết định xác nhận “Đơn vị có tệ nạn ma túy ít phức tạp” năm
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày ...tháng....năm...của UBND huyện)

STT	Đơn vị	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
I	Các đơn vị trực thuộc huyện	
1		
2		
3		
II	Các đơn vị đóng trên địa bàn huyện	
1		
2		
3		
III	Các trường học	
1		
2		
3		
IV	Các trạm Y tế và hợp tác xã	
1		
2		
3		
V	Các xã, phường, thị trấn	
1		
2		
3		
VI	Các bản tiểu khu, tổ dân phố	
1		
2		
3		
Cộng		

CÁN BỘ TỔNG HỢP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Mẫu H4

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ

Xác nhận Bản, tiểu khu, tổ dân phố trọng điểm về ma túy năm
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày ...tháng....năm ...của UBND huyện)

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Tên bản, tiểu khu, tổ dân phố	Ghi chú
1	2	3	4
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
14			
15			
16			
17			
18			
19			
20			
.....			
Cộng			

CÁN BỘ TỔNG HỢP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Mẫu H3

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ**Xác nhận Xã, phường, thị trấn trọng điểm về ma túy năm***(Kèm theo Tờ trình số /TTr - UBND ngày ...tháng...năm ...của UBND huyện)*

STT	Xã, phường, thị trấn	Trọng điểm loại I	Trọng điểm loại II	Trọng điểm loại III	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
13					
14					
15					
16					
17					
18					
19					
.....					
Cộng					

CÁN BỘ TỔNG HỢP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ

Quyết định công nhận “Đơn vị không có tệ nạn ma túy ” năm
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày ... tháng....năm ... của UBND xã)

STT	Đơn vị	Ghi chú
1	2	3
I	Xã, phường, thị trấn	
II	Các bản, tiểu khu, tổ dân phố	
III	Các trường học Các trạm Y tế và HTX	
IV	Các trạm Y tế và HTX	
Cộng		

CÁN BỘ TỔNG HỢP

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Mẫu X2

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ

Quyết định xác nhận “Đơn vị có tệ nạn ma túy ít phức tạp” năm
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày ...tháng...năm của UBND xã)

STT	Đơn vị	Ghi chú
1	2	3
I	Xã, phường, thị trấn.	
II	Các bản, tiểu khu, tổ dân phố	
III	Các trường học Các trạm Y tế và HTX	
IV	Các trạm Y tế và HTX	
Cộng		

CÁN BỘ TỔNG HỢP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

Mẫu X3

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ

Xác nhận Bản, tiểu khu, tổ dân phố trọng điểm về ma túy năm
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày ...tháng.....năm của UBND xã)

STT	Bản, tiểu khu, tổ dân phố	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
1		
2		
3		
4		
5		
6		
7		
8		
9		
10		
11		
12		
13		
14		
15		
16		
17		
18		
19		
.....		
	Xã đạt mức độ:	
Cộng		

CÁN BỘ TỔNG HỢP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

Mẫu A

ĐƠN VỊ:.....

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN****Tự đánh giá, phân loại cơ quan, đơn vị; Xã, phường, thị trấn;****Bản, tiểu khu, tổ dân phố liên quan đến ma túy năm**

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày... tháng ... 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành tiêu chí và Quy trình đánh giá, thẩm định, phân loại các cơ quan, đơn vị; Xã, phường, thị trấn; Bản, tiểu khu, tổ dân phố liên quan đến ma túy.

Hôm nay, vào hồi giờ ngày tháng năm....., tại:
Hội đồng đánh giá, thẩm định của:..... gồm:

1. Ông (Bà) :Chức vụ:
2. Ông (Bà) :Chức vụ:.....
3. Ông (Bà) :Chức vụ:.....
4. Ông (Bà) :Chức vụ:.....
5. Ông (Bà) :Chức vụ:.....
-
-
-

Tiến hành đánh giá, phân loại kết quả đơn vị liên quan đến ma túy năm 2020 của đơn vị. Kết quả cụ thể như sau:

1. Đánh giá tình hình tệ nạn ma túy trong năm thẩm định

STT	Nội dung đánh giá, phân loại	Kết quả (ghi số liệu cụ thể)
1	Số người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý (người)	
2	Số điểm tệ nạn ma túy (điểm)	
3	Diện tích trồng cây có chất ma túy trong năm (m^2)	
4	- Số đối tượng phạm tội về ma túy bị bắt, khởi tố trong năm (người) - Tỷ lệ đối tượng phạm tội về ma túy so với dân số (%)	

2. Tự đánh giá đơn vị đạt loại

Căn cứ vào kết quả đánh giá nêu trên và đối chiếu với quy định của UBND tỉnh, Hội đồng đánh giá thống nhất đánh giá đơn vị được đánh giá phân loại dưới đây (đánh dấu X vào ô tương ứng):

Không có tệ nạn ma túy	Có tệ nạn ma túy ít phức tạp	Trọng điểm về ma túy	Trọng điểm về ma túy loại III	Trọng điểm về ma túy loại II	Trọng điểm về ma túy loại I

Đề nghị Hội đồng đánh giá, thẩm định cấp trên xem xét, quyết định./.

TM. HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH

(Ký và ghi rõ họ tên)

UBND XÃ.....
BẢN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP DÂN

Tự đánh giá, chấm điểm, phân loại Bản liên quan đến ma túy năm 2020

Thực hiện Quy trình rà soát, đánh giá, thẩm định, phân loại các cơ quan, đơn vị, bản liên quan đến ma túy của UBND tỉnh Sơn La.

Hôm nay, vào hồi....giờ....ngày...tháng...năm 2020, tại.....bản:
..... Hội đồng đánh giá bản, gồm:

I. THÀNH PHẦN

1. Ông: - Bí thư chi bộ.
2. Ông: - Trưởng bản (TK trưởng, Tổ trưởng).
3. Ông: -
4. Ông: -
5. Ông: -
6. Ông: -
7. Ông: -
8. Có sự tham gia của đại diệnhộ/.....hộ bản.

II. NỘI DUNG

1. Trưởng bản (TK trưởng, Tổ trưởng) báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phòng, chống ma túy của bản năm 2020.

2. Quán triệt các tiêu chí đánh giá, chấm điểm, phân loại bản trong công tác phòng, chống ma túy của năm.

3. Thực hiện xin ý kiến biểu quyết đối với từng tiêu chí bằng hình thức ...

III. KẾT QUẢ

1. Đánh giá tình hình liên quan đến ma túy trong năm thẩm định

TT	Nội dung đánh giá, phân loại	Kết quả (ghi số liệu cụ thể)
1	Số người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý (người)	
2	Số điểm tệ nạn ma túy (điểm)	
3	Diện tích trồng cây có chất ma túy trong năm (m^2)	
4	Số đối tượng phạm tội về ma túy bị bắt, khởi tố trong năm đánh giá	

2. Tự đánh giá phân loại

Đối chiếu với quy định của UBND tỉnh,..... đánh giá phân loại như sau
(đánh dấu X vào ô tương ứng).

Không có tệ nạn ma túy	Có tệ nạn ma túy ít phức tạp	Trọng điểm về ma túy

Đề nghị Hội đồng đánh giá, thẩm định, phân loại xã xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Hội đồng đánh giá phân loại xã;
- Tổ công tác của xã;
- Lưu HS.

BÍ THƯ**TRƯỞNG BẢN**

Mẫu B1

ỦY BAN NHÂN DÂN...
ĐOÀN THẨM ĐỊNH
Số.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH**Phân loại các cơ quan, đơn vị; Xã, phường, thị trấn;****Bản, tiểu khu, tổ dân phố liên quan đến ma túy***(Mẫu dùng cho đoàn đánh giá, thẩm định đối với cấp tỉnh và huyện)*

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Tiêu chí Quy trình đánh giá, thẩm định, phân loại các cơ quan, đơn vị; Xã, phường, thị trấn; Bản, tiểu khu, tổ dân phố liên quan đến ma túy.

Hôm nay, vào hồi...giờ...ngày...tháng...năm 2020, tại:....Hội đồng đánh giá, thẩm định của:..... gồm:

1. Ông (Bà) :Chức vụ:
2. Ông (Bà) :Chức vụ:.....
3. Ông (Bà) :Chức vụ:.....
4. Ông (Bà) :Chức vụ:.....
5. Ông (Bà) : Chức vụ:.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Căn cứ báo cáo đánh giá kết quả hoạt động công tác phòng, chống ma túy năm 2020 và hồ sơ đánh giá, phân loại các đơn vị của huyện, thành phố:.....Đoàn đánh giá, thẩm định đã tiến hành thẩm định, nội dung cụ thể như sau:

I. PHẦN ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI CỦA

1. Các đơn vị đạt tiêu chuẩn không có tệ nạn ma túy:

- Cơ quan, đơn vị, trường học, trạm y tế:
- Xã, phường, thị trấn:.....
- Bản, tiểu khu, tổ dân phố:.....

2. Các đơn vị có tệ nạn ma túy ít phức tạp:

- Cơ quan, đơn vị, trường học, trạm y tế:.....
- Xã, phường, thị trấn:.....
- Bản, tiểu khu, tổ dân phố:.....

3. Các đơn vị trọng điểm về ma túy:

- Xã, phường, thị trấn trọng điểm về ma túy loại III:.....
- Xã, phường, thị trấn trọng điểm về ma túy loại II:.....
- Xã, phường, thị trấn trọng điểm về ma túy loại I:.....
- Bản, tiểu khu, tổ dân phố trọng điểm về ma túy:.....

(có Danh sách kèm theo)

II. PHẦN THẨM ĐỊNH CỦA ĐOÀN THẨM ĐỊNH

1. Các đơn vị đạt tiêu chuẩn không có ma túy:

- Cơ quan, đơn vị, trường học, trạm y tế:
- Xã, phường, thị trấn:.....
- Bản, tiểu khu, tổ dân phố:.....

2. Các đơn vị có tệ nạn ma túy ít phức tạp

- Cơ quan, đơn vị, trường học, trạm y tế:.....
- Xã, phường, thị trấn:.....
- Bản, tiểu khu, tổ dân phố:.....

3. Các đơn vị trọng điểm về ma túy

- Xã, phường, thị trấn trọng điểm về ma túy loại III:.....
- Xã, phường, thị trấn trọng điểm về ma túy loại II:.....
- Xã, phường, thị trấn trọng điểm về ma túy loại I:.....
- Bản, tiểu khu, tổ dân phố trọng điểm về ma túy:.....

(có Danh sách kèm theo)

4. Các thẩm định khác với đánh giá của đơn vị được thẩm định:

.....

.....

.....

TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH
(Ký và ghi rõ họ tên, chức danh)

Mẫu B2

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH****Phân loại các cơ quan, đơn vị; Xã, phường, thị trấn;****Bản, tiểu khu, tổ dân phố liên quan đến ma túy***(Mẫu dùng cho các Hội đồng đánh giá, thẩm định)*

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Quy định về tiêu chí đánh giá, phân loại và Quy trình rà soát, đánh giá, thẩm định, phân loại các cơ quan, đơn vị; Xã, phường, thị trấn; Bản, tiểu khu, tổ dân phố liên quan đến ma túy.

Hôm nay, vào hồi ... giờ, ngày.....tháng năm 2020 , tại:
.....Hội đồng đánh giá, thẩm định của: gồm:

1. Ông (Bà) :Chức vụ:
2. Ông (Bà) :Chức vụ:.....
3. Ông (Bà) :Chức vụ:.....
4. Ông (Bà) :Chức vụ:.....
5. Ông (Bà) :Chức vụ:.....

.....
.....
.....
.....
.....

Căn cứ báo cáo đánh giá kết quả hoạt động công tác phòng, chống ma túy năm 2020 và hồ sơ tự đánh giá, phân loại của:..... Hội đồng đánh giá, thẩm định đã tiến hành thẩm định, nội dung cụ thể như sau:

I. PHẦN TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI CỦA ĐƠN VỊ

1. Đơn vị đạt tiêu chuẩn không có tệ nạn ma túy.....
2. Đơn vị có tệ nạn ma túy ít phức tạp
3. Đơn vị trọng điểm về ma túy
4. Đơn vị trọng điểm về ma túy loại I.....
5. Đơn vị trọng điểm về ma túy loại II.....

6. Đơn vị trọng điểm về ma túy loại III.....

II. PHẦN THẨM ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

1. Đối chiếu với Tiêu chí đánh giá, phân loại trong năm thẩm định:

Nội dung đánh giá 1:

+ Ở mức độ:.....

+ Nguyên nhân:.....

Nội dung đánh giá 2:

+ Ở mức độ:.....

+ Nguyên nhân:.....

Nội dung đánh giá 3:

+ Ở mức độ:

+ Nguyên nhân:.....

Nội dung đánh giá 4:

+ Ở mức độ:.....

+ Nguyên nhân:.....

Tổng hợp đánh giá đơn vị ở mức:.....

Căn cứ vào kết quả thẩm định nêu trên, Hội đồng đánh giá, thẩm định thống nhất đánh giá đơn vị ở mức:..... được đánh dấu **X** trong danh sách phân loại dưới đây:

1. Đơn vị đạt tiêu chuẩn không có tệ nạn ma túy..... ☐
2. Đơn vị có tệ nạn ma túy ít phức tạp ☐
3. Đơn vị trọng điểm về ma túy ☐
4. Đơn vị trọng điểm về ma túy loại I..... ☐
5. Đơn vị trọng điểm về ma túy loại II..... ☐
6. Đơn vị trọng điểm về ma túy loại III..... ☐

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN MA TUÝ NĂM 2020

(Đối với cơ quan, đơn vị...)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2139/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá, phân loại		Ghi chú
		Không có tệ nạn ma túy	Có tệ nạn ma túy	
1	Số người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý	Không	Có từ 01 người nghiện ma túy trở lên	
2	Đối tượng phạm tội về ma túy bị bắt giữ trong năm đánh giá	Không	Có từ 01 đối tượng phạm tội về ma túy trở lên	

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN MA TUÝ NĂM 2020

(Đối với đơn vị xã, phường, thị trấn...)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2139/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá, phân loại					Ghi chú
		Không có tệ nạn ma túy	Có tệ nạn ma túy ít phức tạp	Trọng điểm về ma túy loại III	Trọng điểm về ma túy loại II	Trọng điểm về ma túy loại I	
1	Số người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý	Không có	Có dưới 20 người	Từ 20 đến 59 người	Từ 60 đến 99 người	Từ 100 người trở lên	
2	Số điểm tệ nạn ma túy	Không có	Không có	Từ 01 đến 02 điểm	Từ 03 đến 04 điểm	Từ 05 điểm trở lên	
3	Diện tích trồng cây có chất ma túy	Không có	Không có	Dưới 1.000m ²	Từ 1.000 đến dưới 2.000 m ²	Từ 2.000 m ² trở lên	
4	Tỷ lệ đối tượng phạm tội về ma túy so với dân số (đối tượng phạm tội bị bắt trong năm đánh giá)	Không có	Dưới 0,1%	Từ 0,1 đến 0,3%	Từ 0,3 đến 0,5%	Từ 0,5% trở lên	

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN MA TUÝ NĂM 2020
(Đối với bản, tiểu khu, tổ dân phố...)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2139/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá, phân loại			Ghi chú
		Không có tệ nạn ma túy	Có tệ nạn ma túy ít phức tạp	Trọng điểm về ma túy	
1	Số người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý	Không	Có từ 01 đến 03 người	Có trên 03 người	
2	Diện tích trồng cây có chất ma túy	Không	Không	Có	
3	Số điểm tệ nạn ma túy	Không	Không	Có	
4	Đối tượng phạm tội về ma túy bị bắt giữ trong năm đánh giá	Không	Có từ 01 đến 02 đối tượng	Trên 02 đối tượng	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2192/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 07 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định số lượng cán bộ, công chức
xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình, thủ tục bầu cử, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức các thành viên UBND;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ về Hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 758/TTr-SNV ngày 05 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định số lượng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Sơn La

1. Tổng số lượng cán bộ, công chức

1.1. Đối với xã, phường, thị trấn loại I không quá 23 người

1.2. Đối với xã, phường, thị trấn loại II không quá 21 người

1.3. Đối với xã, phường, thị trấn loại III không quá 19 người

2. Cơ cấu cán bộ, công chức theo chức danh

2.1. Cán bộ

a) Các chức danh Bí thư Đảng ủy; Phó Bí thư Đảng ủy; Phó Chủ tịch HĐND; Chủ tịch UBND; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Chủ tịch Hội Nông dân; Chủ tịch Hội Cựu chiến binh: mỗi chức danh bố trí 01 người.

b) Chức danh Phó Chủ tịch UBND: Đối với xã, phường, thị trấn loại I, loại II: Bố trí không quá 02 người; đối với xã, phường, thị trấn loại III: Bố trí 01 người.

2.2. Công chức

a) Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự, Trưởng Công an, Tài chính - Kế toán: Mỗi chức danh bố trí 01 người.

b) Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (*Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường đối với phường, thị trấn*); Tư pháp - Hộ tịch; Văn hóa - Xã hội: Mỗi chức danh bố trí không quá 02 người.

c) Văn phòng - Thông kê: Đối với xã, phường, thị trấn loại I: Bố trí không quá 04 người; đối với xã, phường, thị trấn loại II: Bố trí không quá 03 người; đối với xã, phường, thị trấn loại III: Bố trí không quá 02 người.

3. Các quy định khác

3.1. Bí thư Đảng ủy hoặc Phó Bí thư Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch HĐND hoặc Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy; Phó Chủ tịch HĐND đồng thời là Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy.

3.2. Đối với các phường, thị trấn không có tổ chức Hội Nông dân, bố trí giảm 01 người theo quy định; Đối với xã, thị trấn (*không bao gồm phường*) bố trí chức danh công chức Trưởng Công an là công an chính quy thì số lượng giảm đi 01 người so với quy định.

3.3. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã quy định tại Khoản 1, Điều 1 bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã. Riêng trường hợp luân chuyển về đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch UBND cấp xã thì thực hiện theo Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên UBND.

3.4. Số lượng Phó Chủ tịch UBND xã loại II thực hiện 01 người đến hết nhiệm kỳ 2016 - 2021, khi bầu ra HĐND nhiệm kỳ 2021 - 2026, số lượng Phó Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn loại II thực hiện theo Điểm 2.1, Khoản 2, Điều 1 Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành**1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

Xây dựng phương án bố trí cán bộ, công chức cấp xã theo Quyết định này trình Sở Nội vụ thẩm định cho ý kiến bằng văn bản trước khi triển khai, thực hiện.

2. Sở Nội vụ

Thẩm định phương án bố trí cán bộ, công chức cấp xã của UBND các huyện, thành phố; Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, thanh tra việc tổ chức thực hiện Quyết định này.

3. Sở Tài chính

Hướng dẫn lập dự toán ngân sách hằng năm trong thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã.

4. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Hướng dẫn về hồ sơ và chịu trách nhiệm thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội đối với cán bộ cấp xã theo quy định.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 3264/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao số lượng, chức danh cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Sơn La.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Sơn La;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC, Hiệp (25b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/CT-UBND

Sơn La, ngày 13 tháng 10 năm 2020

CHỈ THỊ

Phát động thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh giai đoạn 2020 - 2025

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, phát huy những kết quả đạt được trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2015 - 2020. Nhằm tiếp tục huy động sức mạnh của toàn Đảng bộ, chính quyền, lực lượng vũ trang và Nhân dân các dân tộc trong toàn tỉnh hăng hái thi đua vượt qua những khó khăn, thách thức, phấn đấu lao động sản xuất, kinh doanh, học tập, công tác đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao, để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh giai đoạn 2020 - 2025.

Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La phát động thi đua tới toàn thể Nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức, chiến sỹ các lực lượng vũ trang trong toàn tỉnh với chủ đề: *"Đoàn kết, đổi mới, sáng tạo, quyết tâm xây dựng tỉnh Sơn La trở thành tỉnh phát triển xanh, nhanh và bền vững"*, với các nội dung sau:

1. Tăng cường tuyên truyền, quán triệt sâu sắc tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về thi đua ái quốc; Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Bộ Chính trị (khoá XI) về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng; Tổ chức thực hiện có hiệu quả chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng. Triển khai sâu rộng, đồng bộ các phong trào thi đua "Nhân dân các dân tộc Sơn La chung sức xây dựng nông thôn mới", "Sơn La chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau", "Doanh nghiệp Sơn La hội nhập và phát triển", "Cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Sơn La thi đua thực hiện văn hóa công sở".

2. Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng tâm, hợp lực của toàn xã hội, thường xuyên tổ chức các phong trào thi đua nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh giai đoạn 2020 - 2025, chủ động, sáng tạo, quyết liệt triển khai kịp thời Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XV; Các phong trào thi đua trong lĩnh vực kinh tế tập trung vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, trọng tâm là cơ cấu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng phát triển hàng hóa tập trung, gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển công nghiệp chế biến, năng lượng sạch, nâng cao giá trị ngành công nghiệp, mở rộng thị trường thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa địa phương; tiếp tục phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh

tế - xã hội, nhất là hạ tầng nông thôn và liên kết vùng; Phân đầu tốc độ tăng tổng sản phẩm (GRDP) trên địa bàn tỉnh bình quân 5 năm đạt 7,5%/năm; GRDP bình quân đến năm 2025 đạt 60 triệu đồng/người/năm; Thu ngân sách trên địa bàn đến năm 2025 đạt 6.250 tỷ đồng; Giá trị hàng hóa tham gia xuất khẩu tăng bình quân 12,5%/năm; phân đầu đến năm 2025 giá trị hàng hóa tham gia xuất khẩu đạt trên 200 triệu USD.

3. Thi đua xây dựng và phát triển văn hóa, xã hội góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân và chất lượng dân số; phát triển tiềm năng du lịch sinh thái, bảo tồn, phát triển văn hóa bản sắc các dân tộc; bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thi đua trên các lĩnh vực giáo dục, khoa học, công nghệ, y tế, thể dục, thể thao, an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa để đảm bảo mang lại lợi ích thiết thực cho mọi người dân: Phân đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%; Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đến năm 2025 giảm xuống còn 62,7%; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm đạt 3% (riêng các huyện nghèo giảm 4 - 5%/năm); đến năm 2025 có 01 huyện được đưa ra khỏi danh sách huyện nghèo.

4. Thi đua cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo bước chuyển biến mới trong thu hút đầu tư, huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng khu công nghiệp; khuyến khích đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong cộng đồng doanh nghiệp; thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh cá thể. Phân đầu tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm đạt khoảng 120.000 tỷ đồng; Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt 18,5%.

5. Tiếp tục thi đua trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, nâng cao chất lượng các phong trào “Thi đua quyết thắng”, “Vì an ninh Tổ quốc”, phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; Mở rộng, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, tạo môi trường hòa bình và điều kiện thuận lợi để xây dựng tỉnh Sơn La phát triển toàn diện.

6. Đẩy mạnh phong trào thi đua trong lĩnh vực xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng bộ máy tổ chức Nhà nước. Hướng các phong trào thi đua vào việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; nêu cao tinh thần trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. phong trào thi đua trọng tâm hướng vào việc nâng cao chất lượng phục vụ, cải cách hành chính, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy ổn định, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

7. Đổi mới, tạo sự chuyển biến tích cực và hiệu quả trong công tác thi đua, khen thưởng, bảo đảm chính xác, công khai, minh bạch, kịp thời, có tác dụng giáo dục, nêu gương; quan tâm khen thưởng đến các tập thể, cá nhân, người lao động trực tiếp, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới; đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng các điển hình tiên tiến, các mô hình mới, nhân tố mới.

8. Cơ quan thông tin truyền thông tăng cường công tác tuyên truyền tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; mở các chuyên trang, chuyên mục và tăng thời lượng để giới thiệu, tuyên truyền các gương điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua, gương người tốt, việc tốt trên các lĩnh vực.

9. Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các doanh nghiệp, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố căn cứ chức năng nhiệm vụ của từng địa phương, đơn vị, có trách nhiệm cụ thể hóa để thực hiện Chỉ thị này. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp vận động đoàn viên, hội viên tổ chức thực hiện tốt phong trào thi đua, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và kế hoạch 05 năm (2020 - 2025).

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan liên quan giúp Chủ tịch UBND tỉnh kiểm tra, đôn đốc, báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- Hội đồng TĐKT TW;
- Ban TĐKT TW;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thành viên HĐ TĐKT tỉnh;
- Các đơn vị tham gia cụm, khối thi đua của tỉnh;
- Sở Nội vụ (phòng TĐKT);
- Lưu: VT, NC, Hiệp (80b).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/CT-UBND

Sơn La, ngày 14 tháng 10 năm 2020

CHỈ THỊ

Về việc tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân năm 2021

Năm 2020, công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ (*sau đây gọi tắt là tuyển quân*) đã được cấp uỷ, chính quyền địa phương và cấp uỷ, chỉ huy các cơ quan, đơn vị tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, chủ động triển khai thực hiện nghiêm túc, giao quân đủ chỉ tiêu, hoàn thành mục tiêu, yêu cầu đề ra.

Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện vẫn còn tồn tại một số điểm như: Công tác tuyên truyền giáo dục Luật Nghĩa vụ quân sự còn hạn chế; quy trình triển khai tuyển quân chưa thống nhất; chưa thực hiện tốt công bằng xã hội trong tuyển quân; công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự chưa chặt chẽ; kết luận của Hội đồng khám sức khoẻ nghĩa vụ quân sự (NVQS) một số địa phương còn một số trường hợp chưa chính xác, dẫn đến phải đổi, bù quân sau phúc tra sức khoẻ của các đơn vị nhận quân...

Năm 2021, tiếp tục thực hiện tuyển quân “tròn khâu”, tuyển người nào chắc người đó theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015, Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015. Để bảo đảm công tác tuyển quân hoàn thành chỉ tiêu, yêu cầu đề ra. Chủ tịch UBND tỉnh Chỉ thị:

1. Quán triệt và thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên về công tác tuyển quân năm 2021; làm tốt công tác đăng ký, quản lý công dân tuổi 17 và tuổi sẵn sàng nhập ngũ, triển khai tuyển quân chặt chẽ, bảo đảm dân chủ, công bằng, công khai đúng quy định; giao quân đủ chỉ tiêu, đúng thời gian, bảo đảm an toàn, tiết kiệm.

2. Tổ chức tuyên truyền Luật Nghĩa vụ quân sự sâu rộng tới toàn thể nhân dân trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, quan tâm chú trọng địa bàn vùng sâu, vùng xa, các địa bàn có nhiều khó khăn trong công tác tuyển quân, nhằm nâng cao nhận thức về ý nghĩa chính trị, tầm quan trọng của công tác tuyển quân cho tất cả các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan, xây dựng khí thế thi đua sẵn sàng nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc.

3. Các huyện, thành phố giao chỉ tiêu cho cấp xã, phường, thị trấn đảm bảo 100% các xã, phường, thị trấn đều có ít nhất 02 công dân nhập ngũ trở lên, không để xã, phường, thị trấn trắng; ưu tiên tuyển chọn những công dân ở những xã, bản biên giới, vùng sâu, vùng xa, địa bàn trọng điểm (*nhằm tạo nguồn phát triển đảng viên, nguồn cán bộ cho cơ sở*) và những công dân có trình độ Đại học, Cao đẳng, cán bộ, công chức, viên chức trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ

đang công tác tại các cơ quan, tổ chức nhà nước, các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn.

4. Để bảo đảm công bằng trong thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự, nâng cao chất lượng công dân nhập ngũ, để từng bước nâng cao chất lượng giao quân cho các đơn vị. Năm 2021, yêu cầu các huyện, thành phố phân đầu tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ là đảng viên đạt từ 2% trở lên, trình độ Đại học, Cao đẳng, Trung cấp đạt từ 10% trở lên; sức khỏe loại I, loại II đạt từ 70% trở lên so với chỉ tiêu được giao.

5. Nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị

a) Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

- Là cơ quan thường trực của Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn Hội đồng nghĩa vụ quân sự các huyện, thành phố triển khai công tác tuyển quân theo đúng kế hoạch.

- Phối hợp với Công an tỉnh, các sở, ngành có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các huyện, thành phố thực hiện tốt công bằng xã hội trong tuyển quân; tổ chức Lễ giao nhận quân cho các đơn vị Quân đội và Công an trong cùng một ngày; giao quân cho các đơn vị đủ theo chỉ tiêu, bảo đảm chất lượng.

b) Công an tỉnh

- Chỉ đạo, hướng dẫn Công an các huyện, thành phố thực hiện nghiêm những văn bản quy định của cấp trên; tổ chức triển khai thực hiện chặt chẽ quy trình tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; phối hợp với cơ quan Quân sự cùng cấp xử lý nghiêm các trường hợp chống, trốn nghĩa vụ quân sự.

- Phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, các sở, ngành có liên quan chỉ đạo các huyện, thành phố thực hiện tốt công tác xét duyệt, hoàn chỉnh hồ sơ công dân nhập ngũ, thực hiện nghiêm Thông tư của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an về hướng dẫn tiêu chuẩn chính trị, nguyên tắc, thủ tục tuyển chọn công dân vào phục vụ trong Quân đội nhân dân.

c) Sở Y tế

- Chỉ đạo cơ sở y tế các huyện, thành phố thực hiện nghiêm quy trình, quy định khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; phối hợp với cơ quan Quân sự, Công an cùng cấp tổ chức sơ tuyển, khám tuyển sức khỏe nghĩa vụ quân sự cho công dân trong diện gọi nhập ngũ.

- Không tuyển chọn những công dân mắc nhiễm, nghi nhiễm COVID-19 vào Quân đội, Công an; thành lập tổ tư vấn tổ chức xét nghiệm HIV và chất gây nghiện cho công dân khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự.

- Tổ chức khám phúc tra sức khỏe cho số công dân không đủ tiêu chuẩn về sức khỏe do các đơn vị loại trả, tổng hợp báo cáo Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh (qua cơ quan thường trực).

d) Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường Đại học, Cao đẳng

Theo chức năng, nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn các trường có liên quan trên địa bàn tỉnh cung cấp danh sách nam học sinh, sinh viên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ đang học ở các trường và đã tốt nghiệp ra trường hoặc thôi học về Ban Chỉ huy quân sự các huyện, thành phố nơi các trường đặt trụ sở đúng thời gian theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương quản lý, nắm chắc nguồn công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ.

đ) Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tấn, báo chí của tỉnh và các huyện, thành phố tổ chức tuyên truyền Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 sâu rộng, có hiệu quả tới toàn thể nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh, chú trọng đối tượng là công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, nhất là địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, địa bàn trọng điểm để xây dựng khí thế thi đua sẵn sàng nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc.

e) Sở Tư pháp phối hợp với các cơ quan liên giải quyết kịp thời những khiếu nại, tố cáo, chống, trốn của công dân trong tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân theo đúng quy định của pháp luật; thông báo công khai rộng rãi để giáo dục, răn đe, tạo sự đồng thuận nhất trí cao trong quần chúng nhân dân và chống những biểu hiện tiêu cực trong tuyển quân.

f) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương chăm lo tốt chính sách hậu phương quân đội đối với công dân nhập ngũ và lực lượng dự bị động viên; tạo việc làm đối với quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương; kịp thời giải quyết những trường hợp gia đình có con em chuẩn bị nhập ngũ và đang phục vụ tại ngũ gặp khó khăn ổn định cuộc sống.

g) Sở Tài chính bảo đảm ngân sách cho công tác tuyển quân từ nguồn kinh phí địa phương năm 2021 theo đúng quy định hiện hành của pháp luật về quản lý ngân sách.

i) Sở Nội vụ phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh hướng dẫn và thực hiện các thủ tục về khen thưởng công tác tuyển quân; tổng hợp, thẩm định hồ sơ, xét và đề nghị khen thưởng bảo đảm đúng theo quy định.

j) Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Liên đoàn lao động tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh và các cơ quan liên quan khác theo chức năng nhiệm vụ làm tốt công tác tuyên truyền và tổ chức thực hiện bảo đảm theo đúng quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự, Nghị định của Chính phủ và Thông tư, hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương về công tác tuyển quân; chỉ đạo cơ quan, đơn vị ngành dọc cấp dưới thuộc quyền thực hiện tốt nhiệm vụ tuyển quân theo chức trách nhiệm vụ được giao.

m) Các thành viên Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh chủ động kiểm tra, đôn đốc các địa phương được giao phụ trách về công tác tuyển quân, chỉ đạo cơ quan

chuyên môn ngành dọc cấp dưới tham mưu giúp Hội đồng nghĩa vụ quân sự cùng cấp trong triển khai các bước tuyển quân. Sau mỗi đợt kiểm tra, tổng hợp báo cáo bằng văn bản về Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh (*qua cơ quan thường trực*).

n) UBND các huyện, thành phố căn cứ vào Quyết định, Kế hoạch của tỉnh và các văn bản hướng dẫn của cơ quan thường trực Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh, tổ chức triển khai các bước tuyển quân đảm bảo đúng Luật, đúng quy định. Giao quân đủ chỉ tiêu, đúng thời gian theo quy định.

Nhận được Chỉ thị này yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư lệnh Quân khu 2;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thành viên HĐ NVQS tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Lưu: VT, NC, ĐH50b.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số: 2246/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 14 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý
Nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BTNMT ngày 24 tháng 8 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo công tác bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 20/2018/TT-BTNMT ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chế độ báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 73/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo hiện trạng môi trường, Bộ Chỉ thị môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28 tháng 8 năm 2014 của liên bộ: Tài nguyên và Môi trường - Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-TCMT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Tổng cục Môi trường ban hành Quy trình tiếp nhận, xác minh, xử lý và phản hồi thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về ô nhiễm môi trường thống nhất từ trung ương đến địa phương;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 768/TTr-STNMT ngày 30 tháng 9 năm 2020 và Tờ trình số 797/TTr-STNMT ngày 12 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi thì Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Báo Sơn La, Đài PTTH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử;
- Lưu: VT, Biên KT, 26 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lò Minh Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Phối hợp trong công tác quản lý Nhà nước
về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La**
(Ban hành theo Quyết định số 2246/QĐ-UBND
ngày 14/10/2020 của UBND tỉnh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi

Quy chế này quy định nguyên tắc, phương thức, nhiệm vụ và cách thức thực hiện phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Những nội dung không nêu trong Quy chế này được thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc và phương thức phối hợp

1. Nguyên tắc phối hợp

a) Việc phối hợp quản lý nhà nước trong công tác bảo vệ môi trường trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị liên quan, các quy định hiện hành nhằm đảm bảo yêu cầu chuyên môn, chất lượng, thời gian và sự quản lý thống nhất; tránh chồng chéo, trùng lặp và tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân)

b) Trong quá trình phối hợp, phải xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp để làm rõ trách nhiệm về nội dung, kết quả phối hợp.

c) Đảm bảo việc phối hợp nhanh, kịp thời, không gây cản trở trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, không tạo ra kẽ hở trong quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường.

2. Phương thức phối hợp

a) Trao đổi ý kiến bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác phối hợp theo yêu cầu của cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp.

b) Tổ chức họp, tham gia họp, hội nghị chuyên đề, sơ kết và tổng kết.

- c) Tổ chức đoàn khảo sát, kiểm tra, thanh tra định kỳ hoặc đột xuất.
- d) Các hình thức khác theo quy định.

Chương II

NỘI DUNG VÀ CƠ CHẾ PHỐI HỢP

Điều 3. Phối hợp trong xây dựng, ban hành theo thẩm quyền văn bản Quy phạm pháp luật, Chính sách, Chương trình, Quy hoạch, Kế hoạch về bảo vệ môi trường của tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì xây dựng, tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản Quy phạm pháp luật, Chương trình, Quy hoạch, Kế hoạch về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

Phối hợp, tham gia xây dựng, góp ý dự thảo khi Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị; cụ thể hóa các Chương trình, Nghị quyết, Kế hoạch, văn bản của tỉnh để triển khai thực hiện ở ngành, địa phương.

Điều 4. Phối hợp trong công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường

1. Xây dựng và thực hiện chương trình tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan xây dựng Kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh hằng năm, trong đó có dự toán kinh phí thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội cấp tỉnh và UBND cấp huyện xây dựng Kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trên cơ sở Kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh được phê duyệt và kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường được giao. Định kỳ hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện với UBND tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) trước ngày 15 tháng 12.

2. Các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường thường xuyên trong năm

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị xã hội cấp tỉnh và UBND cấp huyện tổ chức thực hiện hoạt động tuyên truyền các ngày lễ lớn về bảo vệ môi trường theo chủ đề của Bộ Tài nguyên và Môi trường (*Ngày môi trường thế giới mừng 5 tháng 6, Ngày Quốc tế đa dạng sinh học, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn, ...*).

b) Sở, ban, ngành, tổ chức chính trị xã hội cấp tỉnh và UBND cấp huyện xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện hoạt động tuyên truyền các ngày lễ lớn về

bảo vệ môi trường theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh và báo cáo kết quả thực hiện với UBND tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) để tổng hợp.

c) Trường hợp tổ chức các hoạt động truyền thông cấp tỉnh tại cấp huyện

Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho UBND tỉnh lựa chọn khu vực thực hiện tổ chức các hoạt động truyền thông cấp tỉnh, xây dựng Kế hoạch để triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định. UBND cấp huyện được lựa chọn có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện việc truyền thông cấp tỉnh tại địa phương.

Điều 5. Phối hợp trong thực hiện các thủ tục hành chính về môi trường

1. Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (*sau đây viết tắt là báo cáo ĐTM*)/thẩm định, phê duyệt lại báo cáo ĐTM; thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản

a) Đối với các thủ tục thực hiện thẩm định qua Hội đồng thẩm định

- Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản đề nghị các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có liên quan cử cán bộ tham gia Hội đồng thẩm định, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có liên quan có văn bản cử cán bộ tham gia theo quy định.

- Lấy ý kiến tham gia của các tổ chức, chuyên gia và tổ chức kiểm tra, khảo sát thực địa khu vực thực hiện dự án (*tùy thuộc tính chất, quy mô của dự án*) trước khi họp Hội đồng thẩm định:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản kèm báo cáo ĐTM gửi các sở, ngành, UBND cấp huyện hoặc các chuyên gia (*nếu có*) đề nghị tham gia ý kiến về nội dung báo cáo ĐTM, trong đó nêu rõ những nội dung cụ thể cần xin ý kiến đối với lĩnh vực quản lý của từng ngành.

Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các chuyên gia được lấy ý kiến có văn bản phản hồi trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị tham gia ý kiến, trong đó thể hiện rõ các nội dung, điều kiện bắt buộc để đảm bảo triển khai thực hiện dự án theo lĩnh vực/địa bàn quản lý, phúc đáp đầy đủ các nội dung đề nghị tham gia ý kiến theo văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ Việc kiểm tra, khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án: Chậm nhất 02 ngày trước khi tiến hành kiểm tra, khảo sát thực địa, Sở Tài nguyên và Môi trường phải gửi giấy mời cho các cơ quan phối hợp tham gia kiểm tra. Cơ quan phối hợp có trách nhiệm cử lãnh đạo hoặc chuyên viên phù hợp với tính chất của dự án tham gia kiểm tra thực địa, quá trình kiểm tra, các thành viên tham gia đại diện cho cơ quan phối hợp, phải có ý kiến thể hiện rõ các nội dung theo chức năng quản lý của ngành, địa phương.

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan tham gia phối hợp căn cứ vào nội dung kiểm tra, khảo sát thực địa sẽ có ý kiến bằng văn bản sau cuộc làm việc *(thời gian không quá 02 ngày sau khi kết cuộc kiểm tra, khảo sát)*.

b) Đối với các thủ tục thực hiện bằng hình thức lấy ý kiến *(thẩm định, phê duyệt lại báo cáo ĐTM)*

Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu trình UBND tỉnh ban hành văn bản lấy ý kiến kèm theo báo cáo ĐTM gửi các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện *(tổ chức được lấy ý kiến)*. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện phải có văn bản trả lời theo quy định. Trường hợp cần thiết, tổ chức kiểm tra, khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án: Chậm nhất 02 ngày trước khi tiến hành kiểm tra, khảo sát thực địa, Sở Tài nguyên và Môi trường phải gửi giấy mời cho các cơ quan phối hợp tham gia kiểm tra.

Cơ quan phối hợp có trách nhiệm cử lãnh đạo hoặc chuyên viên phù hợp với tính chất của dự án tham gia kiểm tra thực địa, quá trình kiểm tra, các thành viên tham gia đại diện cho cơ quan phối hợp, phải có ý kiến thể hiện rõ các nội dung theo chức năng quản lý của ngành, địa phương.

Trường hợp cần thiết, cơ quan tham gia phối hợp căn cứ vào nội dung kiểm tra, khảo sát thực địa sẽ có ý kiến bằng văn bản sau cuộc làm việc *(thời gian không quá 02 ngày sau khi kết cuộc kiểm tra, khảo sát)*.

2. Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án

a) Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản kèm theo hồ sơ xin ý kiến Sở Xây dựng về hồ sơ hoàn công đối với công trình xử lý chất thải của dự án. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, Sở Xây dựng có trách nhiệm ban hành văn bản trả lời đánh giá rõ về hồ sơ hoàn công theo chức năng quản lý.

b) Tùy theo tính chất, quy mô của dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản xin ý kiến các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện nơi có dự án. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện được xin ý kiến có văn bản tham gia gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến.

3. Trong kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án. Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản đề nghị các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có liên quan cử cán bộ để tham mưu cho UBND tỉnh thành lập đoàn kiểm tra.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có liên quan có trách nhiệm ban hành văn bản cử cán bộ tham gia đoàn kiểm tra.

Quá trình kiểm tra được thực hiện theo quyết định thành lập đoàn kiểm tra của UBND tỉnh, các thành viên đoàn kiểm tra do các sở, ban, ngành cử tham gia phải có ý kiến, quan điểm rõ ràng về lĩnh vực chuyên môn và được thể hiện trong biên bản kiểm tra.

4. Xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường (*thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND cấp huyện*)

Tùy theo tính chất, quy mô của dự án, cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường có văn bản xin ý kiến các sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp huyện nơi có dự án (*trường hợp thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường*). Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện được xin ý kiến có văn bản tham gia trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến.

Trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường chủ trì tổ chức kiểm tra, khảo sát thực địa khu vực thực địa dự án. Chậm nhất 01 ngày trước khi tiến hành kiểm tra, khảo sát thực địa, cơ quan chủ trì phải gửi giấy mời cho các cơ quan phối hợp tham gia kiểm tra. Cơ quan phối hợp có trách nhiệm cử lãnh đạo hoặc chuyên viên tham gia kiểm tra thực địa, quá trình kiểm tra, các thành viên tham gia đại diện cho cơ quan phối hợp, phải có ý kiến thể hiện rõ các nội dung theo chức năng quản lý của ngành, địa phương.

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan tham gia phối hợp căn cứ vào nội dung kiểm tra, khảo sát thực địa sẽ có ý kiến bằng văn bản sau cuộc làm việc (*thời gian không quá 02 ngày sau khi kết cuộc kiểm tra, khảo sát*).

Điều 6. Phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng lập Báo cáo ĐTM, Kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt/xác nhận của UBND tỉnh/Sở Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. UBND cấp huyện chủ trì thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng lập Kế hoạch bảo vệ môi trường do UBND cấp huyện xác nhận, các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp huyện.

3. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong việc thanh tra, kiểm tra hoạt động về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ trong phạm vi Khu công nghiệp tỉnh.

4. UBND cấp xã chủ trì kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh quy mô hộ gia đình trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Các cơ quan, đơn vị khi kiểm tra phát hiện hành vi vi phạm vượt quá thẩm quyền, kịp thời báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại địa bàn có hành vi vi phạm để phối hợp giải quyết; trường hợp vượt thẩm quyền thì cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cơ quan cấp dưới phải báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp trên trực tiếp chỉ đạo giải quyết.

6. Đối với các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành do Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, sở, ban, ngành, UBND cấp huyện là thành viên có trách nhiệm chuẩn bị, cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin, tài liệu có liên quan đến chuyên ngành quản lý để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra.

Điều 7. Phối hợp trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp, kiến nghị về lĩnh vực bảo vệ môi trường

1. Đối với khiếu nại, tố cáo, tranh chấp, kiến nghị về môi trường liên quan đến các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng lập Báo cáo ĐTM, Kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với khiếu nại, tố cáo, tranh chấp, kiến nghị về môi trường liên quan đến cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng lập Kế hoạch bảo vệ môi trường do UBND cấp huyện xác nhận và các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chuyển nội dung phản ánh về UBND cấp huyện trong thời hạn 01 ngày làm việc (24h) kể từ ngày nhận được phản ánh.

2. UBND cấp huyện

a) Tiếp nhận các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, tranh chấp và chủ trì giải quyết theo thẩm quyền về các vấn đề môi trường trên địa bàn quản lý.

b) Khi tiếp nhận các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến, UBND cấp huyện có trách nhiệm giải quyết theo thẩm quyền, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường sau 05 ngày kể từ ngày có kết quả giải quyết.

3. Các sở, ngành có liên quan khi tiếp nhận kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về môi trường thuộc quản lý chuyên ngành thì có trách nhiệm xử lý theo phân cấp hoặc thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để cùng phối hợp tham gia giải quyết theo quy định.

4. Đối với việc tiếp nhận thông tin kiến nghị phản ánh về ô nhiễm môi trường qua đường dây nóng, thực hiện theo Quyết định số 1730/QĐ-TCMT ngày 28 tháng 12 năm 2019 của Tổng cục Môi trường

a) Sở Tài nguyên và Môi trường: Là cơ quan đầu mối tiếp nhận, xử lý thông tin kiến nghị, phản ánh qua đường dây nóng.

- Trường hợp xác định được đối tượng gây ô nhiễm và thuộc thẩm quyền giải quyết, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện giải quyết, xử lý và phản hồi thông tin theo thẩm quyền.

- Trường hợp xác định được đối tượng gây ô nhiễm và thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển nội dung kiến nghị phản ánh cho UBND cấp huyện, giải quyết trong thời hạn 01 ngày.

- Trường hợp chưa xác định được đối tượng gây ô nhiễm, Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển nội dung kiến nghị phản ánh đến UBND cấp huyện để thực hiện xác minh thông tin.

b) UBND cấp huyện

- Trường hợp xác định được đối tượng gây ô nhiễm và thuộc thẩm quyền giải quyết, UBND cấp huyện, thành phố có trách nhiệm xác minh, xử lý thông tin và giải quyết theo thẩm quyền. Kết quả giải quyết gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện phản hồi thông tin theo quy định.

- Trường hợp đối với nội dung kiến nghị phản ánh chưa xác định được đối tượng gây ô nhiễm, UBND cấp huyện có trách nhiệm xác minh thông tin kịp thời, trường hợp thuộc thẩm quyền thì trách nhiệm xác minh, xử lý thông tin và giải quyết theo thẩm quyền. Trường hợp không thuộc thẩm quyền, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết theo quy định.

Điều 8. Phối hợp trong thực hiện xây dựng báo cáo định kỳ, đột xuất

1. Đối với các báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất như: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo Thông tư số 19/2016/TT-BTNMT ngày 24 tháng 8 năm 2016; Báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường theo Thông tư số 20/2018/TT-BTNMT ngày 08 tháng 11 năm 2018; Thông tư số 73/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017; thực hiện Bộ Chỉ thị về môi trường theo Thông tư số 43/2016/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các báo cáo khác do cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

2. Trường hợp UBND tỉnh đã ban hành Quyết định hoặc văn bản chỉ đạo thì các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện căn cứ chỉ đạo của UBND tỉnh thực hiện thống kê, báo cáo đảm bảo thời gian gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh theo quy định.

3. Trường hợp chưa có quy định cụ thể của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho UBND tỉnh hoặc trực tiếp ban hành văn bản gửi các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện đề nghị phối hợp cung cấp thông tin, số liệu theo từng chuyên đề, nhiệm vụ cụ thể, trong đó nêu rõ yêu cầu về nội dung, thời gian để thực hiện đảm bảo tiến độ theo quy định.

Các sở, ngành, UBND cấp huyện căn cứ văn bản đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp thống kê, rà soát, tổng hợp cung cấp số liệu, thông tin theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường có trách

nhiệm phối hợp, thống kê, rà soát, tổng hợp cung cấp số liệu, thông tin theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường

d) Hằng năm, trước ngày 15 tháng 12, các sở, ngành, UBND cấp huyện có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện Quy chế này gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 9. Phối hợp trong xây dựng Kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh hàng năm sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường

Căn cứ văn bản hướng dẫn của Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì ban hành văn bản hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện đánh giá tình hình thực hiện các dự án sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường được giao, đề xuất các nhiệm vụ, dự án sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của các năm tiếp theo, theo các văn bản hướng dẫn; nội dung đề xuất của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện phải phù hợp với quy định của pháp luật, đúng theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý để tránh chồng chéo, trùng lặp.

Đối với các chỉ tiêu, số liệu, nội dung cần phải đánh giá trong Kế hoạch, Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có văn bản đề nghị cung cấp và hoàn thiện dự thảo báo cáo. Trước khi trình UBND tỉnh ban hành, Sở Tài nguyên và môi trường gửi dự thảo xin ý kiến các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và có giải trình, tiếp thu đầy đủ các ý kiến tham gia.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Đơn vị, tổ chức, cá nhân có thành tích tốt trong việc thực hiện Quy chế này được khen thưởng theo quy định.

2. Đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Quy chế này và các quy định của pháp luật liên quan, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc tham mưu cho UBND tỉnh đề xuất khen thưởng, xử lý vi phạm theo quy định tại Quy chế này.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra và đôn đốc các đơn vị thực hiện theo chức năng nhiệm vụ tại Quy chế này. Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Quy chế phối hợp năm trước và báo cáo kết quả thực hiện với UBND tỉnh.

2. Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân của cơ quan có liên quan phối hợp tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh các đơn vị có trách nhiệm phản ánh kịp thời về UBND tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) để xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lò Minh Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2255/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 15 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế phối hợp quản lý
các công trình thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công thương tại Tờ trình số 83/TTr-SCT ngày 23 tháng 7 năm 2020 và Tờ trình số 134/TTr-SCT ngày 12 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy chế phối hợp quản lý các công trình thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh Sơn La*”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý các công trình thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Công thương, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các ngành, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý các công trình thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Kèm theo Quyết định số 2255/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định những nguyên tắc, nhiệm vụ và trách nhiệm chủ trì, phối hợp giữa các sở, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã; chủ đầu tư dự án thủy điện nhỏ trong việc thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể để quản lý các thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh Sơn La. Những nhiệm vụ khác do một cơ quan, đơn vị thực hiện (*như cấp phép sử dụng nước mặt, cấp phép hoạt động điện lực...*) thì thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã nơi có dự án; Chủ đầu tư các dự án thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh Sơn La và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp, quản lý

1. Nội dung chủ trì, phối hợp phải đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chủ trì, phối hợp.

2. Bảo đảm thực hiện đúng các quy định của pháp luật

3. Bảo đảm tính khách quan trong quá trình phối hợp.

4. Bảo đảm yêu cầu về chuyên môn, chất lượng và tiến độ thời gian trong quá trình phối hợp.

5. Đề cao trách nhiệm cá nhân của Thủ trưởng cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và cán bộ, công chức được tham gia phối hợp.

Điều 3. Hình thức phối hợp

1. Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

- Cơ quan chủ trì gửi văn bản, hồ sơ (*nếu có*) cho cơ quan phối hợp và phải xác định rõ thời gian và những nội dung cụ thể cần xin ý kiến đối với từng cơ quan. Thời gian để trả lời ý kiến phải đảm bảo để cơ quan phối hợp nghiên cứu và trả lời.

- Đối với các những nội dung, thủ tục hành chính đã quy định thời hạn giải quyết và thời gian trả lời ý kiến tham gia thì thực hiện theo quy định hiện hành.

- Cơ quan phối hợp phải chấp hành tiến độ thời gian trong việc tham gia ý kiến theo đề nghị của cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm về ý kiến của mình trước UBND tỉnh và pháp luật. *(nếu quá thời hạn quy định mà cơ quan được hỏi không có ý kiến thì coi như đồng ý).*

- Trường hợp cơ quan chủ trì không tiếp thu ý kiến của cơ quan phối hợp thì phải giải thích rõ lý do, thông báo cho cơ quan phối hợp biết và phải chịu trách nhiệm về ý kiến đề xuất của mình.

2. Hình thức lấy ý kiến tại hội nghị, hội thảo, họp tư vấn

- Chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày họp, cơ quan chủ trì phải gửi cơ quan phối hợp hồ sơ, tài liệu có liên quan và các vấn đề cần xin ý kiến tại cuộc họp; công văn mời họp, trong đó xác định thời gian, địa điểm, nội dung chính của cuộc họp và thành phần tham dự; ...

- Thủ trưởng cơ quan phối hợp phải cử cán bộ, công chức tham gia theo đúng thành phần và theo yêu cầu của cơ quan chủ trì; chịu trách nhiệm về các ý kiến phát biểu tại cuộc họp về vấn đề theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan chủ trì; có quyền yêu cầu cơ quan chủ trì cung cấp tài liệu bổ sung, hoặc giải trình các nội dung chưa rõ để tham gia ý kiến về nội dung yêu cầu.

- Nội dung họp phải được cơ quan chủ trì ghi thành biên bản, lưu hồ sơ và do Chủ tọa ký xác nhận *(trong đó ghi rõ cơ quan không tham gia họp hoặc không chuẩn bị nội dung đã được yêu cầu)* và gửi cho các cơ quan phối hợp.

Chương II

MỘT SỐ NỘI DUNG PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THỦY ĐIỆN NHỎ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 4. Một số nội dung phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về thủy điện nhỏ

- Quản lý quy hoạch.
- Quản lý đầu tư.
- Quản lý chất lượng công trình.
- Quản lý đất đai, môi trường, tài nguyên nước.
- Quản lý an toàn đập, hồ chứa.

Chương III

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN CHỦ TRÌ, PHỐI HỢP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Công thương

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu quản lý về Quy hoạch, quản lý chất lượng công trình và an toàn đập, hồ chứa thủy điện gồm một số nội dung chủ yếu sau:

1. Tham mưu cho UBND tỉnh trong công tác lập điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;
2. Thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật trong trường hợp thiết kế 03 bước, thiết kế bản vẽ thi công trong trường hợp thiết kế 02 bước của dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh;
3. Thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt Phương án ứng phó thiên tai cho công trình và vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với công trình thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh;
4. Thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt Phương án bảo vệ đập đối với dự án thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh;
5. Thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đập thủy điện đối với dự án thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh;
6. Thẩm định trình UBND tỉnh thỏa thuận hướng tuyến đường dây truyền tải điện của các nhà máy thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh;
7. Thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh;
8. Chủ trì, phối hợp với các sở ngành, UBND cấp huyện tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước; tham mưu trình UBND tỉnh quyết định phương án tích nước và giải pháp bảo đảm an toàn đối với đập, hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;
9. Chủ trì, tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức thẩm định, cấp phép đối với các hoạt động phải cấp phép trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;
10. Tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập thuộc trách nhiệm của UBND tỉnh;
11. Tham mưu cho UBND tỉnh quyết định kiểm định đột xuất đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;
12. Tham mưu giúp UBND tỉnh tổ chức giám định nguyên nhân sự cố cấp II, cấp III của công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh;
13. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc công tác quản lý chất lượng của chủ đầu tư và chất lượng công trình thủy điện; kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư;
14. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành các quy định pháp luật về an toàn đập, hồ chứa.

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, quản lý về đất đai, môi trường, tài nguyên nước gồm một số nội dung sau:

1. Thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo thẩm quyền *(hoặc tham gia ý kiến Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*;

2. Thẩm định trình UBND tỉnh đề trình cơ quan có thẩm quyền thông qua danh mục dự án Nhà nước thu hồi đất và cho phép chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng;

3. Thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm đối với các dự án thủy điện nhỏ;

4. Thẩm định trình UBND tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

5. Thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt phương án cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện có dung tích trên 1 triệu m³ trên địa bàn tỉnh;

6. Thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập đối với đập thủy điện có phạm vi bảo vệ thuộc địa bàn từ 02 huyện trở lên trên địa bàn tỉnh;

7. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành các quy định của chủ đầu tư thủy điện nhỏ về đất đai; bảo vệ môi trường; khai thác, sử dụng tài nguyên nước; khí tượng thủy văn.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, quản lý về đầu tư các dự án thủy điện gồm một số nội dung sau:

1. Thẩm định trình UBND tỉnh cấp, điều chỉnh, thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư; Đăng ký đầu tư;

2. Kiểm tra tiến độ thực hiện dự án theo Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

3. Kiểm tra, giám sát đánh giá đầu tư đối với dự án thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh;

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, quản lý về Lâm nghiệp, phòng chống thiên tai bao gồm một số nội dung sau:

1. Thẩm định trình UBND tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích sử dụng khác;

2. Thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt phương án trồng bù rừng đối với các dự án thủy điện nhỏ có chuyển mục đích sử dụng rừng;

3. Kiểm tra công tác phòng chống thiên tai của các nhà máy thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh;

4. Rà soát những vị trí xung yếu, có nguy cơ sạt lở, lũ quét, ngập lụt tại khu vực dự án thủy điện đưa vào Quy hoạch phòng chống thiên tai, Kế hoạch và Phương án phòng chống thiên tai hàng năm;

5. Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện trồng rừng thay thế, nộp phí dịch vụ môi trường rừng của các nhà máy thủy điện.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Phối hợp với Sở Công thương thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật; kiểm tra công tác quản lý chất lượng của chủ đầu tư và chất lượng công trình thủy điện; kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư;

2. Phối hợp với Sở Công thương tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình thủy điện.

Điều 10. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện quản lý nhà nước trên địa bàn huyện gồm một số nội dung sau:

1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các dự án thủy điện nhỏ đưa vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên địa bàn huyện gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

2. Quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo thẩm quyền;

3. Thẩm định, phê duyệt Phương án ứng phó thiên tai cho công trình và vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với công trình thủy điện có đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên trên địa bàn huyện;

4. Thẩm định, phê duyệt Phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện đối với đập, hồ chứa thủy điện được xây dựng trên địa bàn một huyện, trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại Khoản 6 Điều 23 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

5. Thẩm định, phê duyệt Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với công trình thủy điện có đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên trên địa bàn huyện;

6. Thẩm định, phê duyệt Phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện đối với đập có phạm vi bảo vệ thuộc địa bàn một huyện;

7. Rà soát những vị trí xung yếu, có nguy cơ sạt lở, lũ quét tại khu vực dự án thủy điện để đưa vào Kế hoạch và Phương án phòng chống thiên tai hàng năm của huyện;

8. Phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của cơ quan chủ trì

Điều 11. Trách nhiệm của UBND cấp xã

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện quản lý nhà nước trên địa bàn xã gồm một số nội dung sau:

1. Thẩm định, phê duyệt Phương án ứng phó thiên tai cho công trình và vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với thủy điện có đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn 01 xã;

2. Thẩm định, phê duyệt Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với thủy điện có đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn 01 xã;

3. Chỉ đạo chính quyền bản giám sát chủ đầu tư trong việc duy trì dòng chảy tối thiểu đảm bảo cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân vùng hạ du công trình trong mùa khô;

4. Phối hợp với chủ đầu tư trong việc đền bù, giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư.

Điều 12. Trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc đầu tư xây dựng, vận hành công trình thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh

1. Thực hiện đầu tư xây dựng và vận hành đảm bảo an toàn tuyệt đối công trình, tính mạng và tài sản của nhân dân; phải chịu trách nhiệm trước pháp luật khi việc đầu tư xây dựng và vận hành công trình gây ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân; bồi thường kịp thời, đầy đủ những thiệt hại do mình gây ra theo quy định của pháp luật hiện hành;

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Luật Điện lực, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước, Luật Đất đai, Luật Thủy lợi, Luật Lâm nghiệp, Luật Khí tượng thủy văn và các quy định khác có liên quan trong việc đầu tư xây dựng và vận hành công trình thủy điện nhỏ;

3. Tuân thủ, thực hiện nghiêm túc các quy định, quy trình, phương án đã được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt;

4. Trước ngày 15 tháng 4 hàng năm, tổ chức rà soát những khu vực, vị trí có nguy cơ sạt lở, xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai của công trình gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã để đưa vào kế hoạch phòng chống thiên tai của UBND các cấp;

5. Phối hợp chặt chẽ, kịp thời với các cơ quan quản lý trong việc cung cấp thông tin, giải quyết, xử lý các vấn đề liên quan trong quá trình quản lý, đầu tư xây dựng, vận hành công trình thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh;

6. Chấp hành nghiêm các cam kết với chính quyền địa phương và nhân dân khu vực dự án;

7. Hàng tháng (vào ngày 25) báo cáo về Sở Công thương, UBND huyện (qua phòng kinh tế hạ tầng) về công tác quản lý, vận hành, thi công xây dựng (đối với các dự án đang triển khai), công tác phối hợp với UBND cấp xã, huyện trên địa bàn; kết quả khắc phục các sai phạm, thiếu sót đã được các đoàn thanh tra, kiểm tra kết luận và các đề xuất kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền;

8. Khuyến khích chủ đầu tư có giải pháp, cơ chế hỗ trợ chính quyền địa phương và người dân khu vực dự án để phát triển kinh tế, đầu tư cơ sở hạ tầng, khoanh nuôi, bảo vệ và phát triển rừng, ổn định đời sống sản xuất, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân tại khu vực dự án.

Chương IV

CHẾ ĐỘ KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ BÁO CÁO

Điều 13. Trách nhiệm kiểm tra

1. Các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tham mưu quản lý, hàng năm, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm đối với các nội dung quản lý và quyết định việc thanh tra, kiểm tra đột xuất đối với chủ đầu tư thủy điện nhỏ khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân hoặc theo yêu cầu của cấp trên;

2. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị phối hợp xây dựng Kế hoạch kiểm tra liên ngành đối với các nội dung quản lý thủy điện nhỏ.

Điều 14. Trách nhiệm giám sát

1. UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc thường xuyên giám sát chủ đầu tư thủy điện nhỏ trong việc chấp hành quy định của pháp luật trong đầu tư, xây dựng công trình, quản lý vận hành nhà máy, kịp thời phát hiện và xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết các vi phạm, vướng mắc, tồn tại;

2. UBND cấp xã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể cấp xã, ban quản lý bản trực tiếp giám sát chủ đầu tư trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, đặc biệt là giám sát việc bảo vệ môi trường, duy trì dòng chảy tối thiểu đảm bảo cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, giám sát việc đảm bảo an toàn cho nhân dân, các công trình hạ tầng vùng dự án;

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện chức năng giám sát cộng đồng theo quy định. Thành lập Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, lập kế hoạch giám sát đầu tư cho từng dự án thủy điện. Xác nhận các văn bản phản ánh, kiến nghị của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trước khi gửi các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 15. Chế độ báo cáo

1. Thủ trưởng các cơ quan chủ trì có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh định kỳ (*một Quý một lần chậm nhất là ngày 25 của tháng cuối Quý*) hoặc đột xuất bằng văn bản về tình hình thực hiện công tác chủ trì, công tác phối hợp trong quản lý thủy điện nhỏ đồng thời gửi về Sở Công thương để theo dõi, tổng hợp. Báo cáo về công tác phối hợp phải thể hiện tình hình chấp hành tiến độ trong công tác phối hợp, việc thực hiện trách nhiệm phối hợp của từng cơ quan được phân công và chất lượng hoạt động phối hợp của các cơ quan đó, những đề xuất, kiến nghị về công tác phối hợp (*nếu có*).

2. Chủ đầu tư thủy điện nhỏ, định kỳ báo cáo về Sở Công thương, UBND cấp huyện (*qua phòng kinh tế hạ tầng*) vào ngày 25 hàng tháng về công tác quản lý, vận hành; công tác thi công xây dựng đối với các dự án đang triển khai thi công; công tác phối hợp với UBND các xã trên địa bàn; việc khắc phục các sai phạm, thiếu sót theo kết luận của các đoàn thanh tra, kiểm tra và các nội dung chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 16. Xử lý vi phạm

1. Các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tham mưu quản lý có trách nhiệm xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong quá trình đầu tư, xây dựng và vận hành các nhà máy thủy điện nhỏ. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư khắc phục các tồn tại hạn chế;

2. Chủ đầu tư dự án thủy điện có các hành vi vi phạm trong quá trình đầu tư, xây dựng và vận hành các nhà máy thủy điện nhỏ có trách nhiệm chấp hành nghiêm các Quyết định xử lý của các cơ quan có thẩm quyền và khắc phục kịp thời theo quy định;

3. Đối với chủ đầu tư cố tình không chấp hành Quyết định xử lý vi phạm của cơ quan có thẩm quyền, không tổ chức khắc phục sai phạm theo quy định, không chấp hành các cam kết với người dân và chính quyền địa phương, sau 03 lần có văn bản đôn đốc nhắc nhở mà chủ đầu tư vẫn chưa thực hiện, thì các sở, ngành, UBND cấp huyện báo cáo UBND tỉnh để xử lý theo thẩm quyền hoặc có văn bản đề nghị Bộ Công thương xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Bảo đảm kinh phí

Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ thực hiện công tác chủ trì, phối hợp sử dụng kế hoạch kinh phí ngân sách hàng năm để thực hiện; Trường hợp phát sinh đột xuất, cơ quan chủ trì lập dự toán kinh phí trình UBND tỉnh (*qua Sở Tài chính*) cho phép sử dụng kinh phí dự phòng, kinh phí từ các nguồn khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ngành; Chủ tịch UBND cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này;

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Quy chế này, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm phối hợp thực hiện. Sở Công thương có trách nhiệm đôn đốc việc thực hiện Quy chế này;

3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có vấn đề chưa phù hợp, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, đề nghị các cơ quan kịp thời phản ánh về Sở Công thương để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com